

Số: 966 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước quý I năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 548/STC-QLNS ngày 12/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2018 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT. *mn*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên
Nguyễn Hồng Diên

NHÂN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 19/ 4 /2018 của UBND tỉnh Thái Bình)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	13.858.173	3.994.383	28,8	75,2
A	TỔNG THU NSDP	11.657.773	3.440.599	29,5	68,2
I	Thu NSNN trên địa bàn	7.241.500	1.578.383	21,8	72,3
1	Thu nội địa	6.391.500	1.142.747	17,9	85,2
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	850.000	435.636	51,3	182,4
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	147.253	250.000		
III	Trợ cấp NSTW	6.469.420	2.046.000	31,6	145,3
IV	Thu tạm từ quỹ dự trữ tài chính		100.000		111,1
V	Thu kết dư ngân sách				
VI	Các khoản ghi thu trên địa bàn		20.000		55,1
B	TỔNG CHI NSDP	11.657.773	2.795.613	24,0	102,0
I	Chi cân đối NSDP	11.327.432	2.665.413	23,5	104,2
1	Chi đầu tư phát triển	3.566.646	1.006.847	28,2	98,6
2	Chi thường xuyên	7.562.606	1.658.566	21,9	107,9
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.900			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Dự phòng ngân sách	192.830			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	200.141			
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		27.764		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	130.200	130.200		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	130.200			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 966/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.241.500	1.578.383	21,8	75,7
I	Thu nội địa	6.391.500	1.142.747	17,9	92,8
1	Thu từ khu vực DNNN	450.000	94.952	21,1	84,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	130.000	74.406	57,2	55,7
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.699.000	404.553	23,8	92,8
4	Thuế thu nhập cá nhân	180.000	55.062	30,6	103,2
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.045.000	170.616	8,3	255,0
6	Lệ phí trước bạ	210.000	65.531	31,2	159,9
7	Thu phí, lệ phí	60.000	23.307	38,8	73,2
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.473.000	208.680	14,2	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	13		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	529		
-	Thu tiền sử dụng đất	1.200.000	201.929	16,8	57,2
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	265.000	5.911	2,2	32,3
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	298		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	355	7,1	12,4
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.000	-		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	42.500	10.666	25,1	109,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	18.000	12.000	66,7	47,4
13	Thu khác ngân sách	75.000	22.632	30,2	40,1
14	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách	-	-		
II	Thu từ đầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	850.000	435.636	51,3	37,2
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.809.400	1.019.699	21,2	
1	Từ các khoản thu phân chia	3.054.600	501.837		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.986.500	517.862		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình)



ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	So sánh (%)	
				ĐT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	11.657.773	2.795.613	24,0	102,0
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.327.432	2.665.413	23,5	104,2
I	Chi đầu tư phát triển	3.566.646	1.006.847	28,2	98,6
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.566.646	997.347	28,0	97,6
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích		9.500		
II	Chi thường xuyên	7.562.606	1.658.566	21,9	107,9
1	Chi ANQP	220.964	65.699	29,7	99,5
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	2.976.223	682.466	22,9	112,5
3	Chi sự nghiệp y tế, DS KHH GD	784.329	87.639	11,2	89,4
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	28.110	3.333	11,9	709,2
5	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	102.975	21.561	20,9	112,2
6	Chi SN phát thanh truyền hình	51.752	9.265	17,9	144,8
7	Chi đảm bảo XH	893.997	227.688	25,5	100,2
8	Chi sự nghiệp kinh tế	748.395	135.253	18,1	136,9
	Trong đó:				
	-Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	56.270	57.267		
	-Sự nghiệp giao thông	63.600	5.568		
	-SN kinh tế khác	114.638	5.442		
	-Chi hỗ trợ cho DN do miễn giảm thủy lợi phí	295.142	36.376		
	-Chi quy hoạch	10.000	600		
9	Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường	260.230	26.176	10,1	76,2
10	Chi quản lý hành chính	1.410.207	386.565	27,4	104,8
11	Chi trợ giá	15.500	3.019	19,5	92,1
12	Chi khác ngân sách	57.923	6.302	10,9	82,8
13	Chi vốn dự bị động viên	12.000	3.600		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.900			
IV	Dự phòng ngân sách	192.830			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	200.141			
C	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		27.764		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**



**THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
QUYẾT NAM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) ước thực hiện 03 tháng đầu năm là 3.994 tỷ đồng, đạt 28,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 75,2% so với cùng kỳ năm 2017.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) ước thực hiện 03 tháng đầu năm là 3.440,5 tỷ đồng, đạt 29,5% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 68,2% so với cùng kỳ năm 2017; trong đó:

1.1. Thu nội địa: ước thực hiện 1.142,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 29% tổng thu NSNN, đạt 17,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 85,2% so với cùng kỳ năm 2017.

1.2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: ước thực hiện 435,6 tỷ đồng, đạt 51,3% dự toán giao, bằng 182,4% so với cùng kỳ năm 2017.

1.3. Thu chuyển nguồn năm trước sang: 250 tỷ đồng.

1.4. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: ước thực hiện 2.046 tỷ đồng, đạt 31,6% dự toán năm, bằng 145,3% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi cân đối NSDP ước thực hiện 3 tháng đầu năm 2.665,4 tỷ đồng, đạt 23,5% dự toán giao, bằng 104,2% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: ước thực hiện 1.006,8 tỷ đồng, đạt 28,2% dự toán năm, bằng 98,6% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 37,8% tổng chi NSDP.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: ước thực hiện là 1.658,5 tỷ đồng, đạt 21,9% dự toán giao, bằng 107,9% so với cùng kỳ năm 2017, đã đáp ứng nhu cầu chi lương, các khoản an sinh xã hội, chi trợ cấp trong dịp Tết Nguyên đán, cụ thể:

Sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 3,3 tỷ đồng, đạt 11,9% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 682,4 tỷ đồng, đạt 22,9% dự toán năm, bằng 112,5% so với cùng kỳ; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 21,5 tỷ đồng, đạt 20,9% dự toán năm, bằng 112,2% so với cùng kỳ; sự nghiệp y tế, dân số KHH ước thực hiện 87,6 tỷ đồng, đạt 11,1% dự toán năm, bằng 89,4% so với cùng kỳ; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 227,6 tỷ đồng, đạt 25,5% dự toán, bằng 100,2% so với cùng kỳ; chi quản lý hành chính ước thực hiện 386,5 tỷ đồng, đạt 27,4% dự toán năm, bằng 104,8% so với cùng kỳ; chi an ninh quốc phòng ước thực hiện 65,6 tỷ đồng, đạt 29,7% dự toán năm, bằng 99,5% so với cùng kỳ năm 2017./.

